

PHẨM CHẤT CỦA NGƯỜI GIA RAI VÀ TRƯỜNG VĂN HÓA TỘC NGƯỜI (Nghiên cứu trường hợp làng Greo Pét, xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai)

VŨ NGỌC XUÂN ÁNH

Tộc người Gia Rai đề cao lòng tự trọng, danh dự và trách nhiệm của bản thân. Đó là tâm thế hành xử (habitus) được định hình bởi không gian văn hóa-xã hội của cộng đồng làng mà chúng tôi gọi là trường văn hóa (cultural field). Trường này được biểu hiện cụ thể qua luật tục, những điều cấm kỵ và tín ngưỡng truyền thống... Sự kết tinh văn hóa lâu dài qua nhiều thế hệ khiến cá nhân tự ý thức và tự điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những chuẩn mực của làng. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội thay đổi, những thế hệ trẻ người Gia Rai phải đối mặt với quá trình giải thiêng cái truyền thống và sự tiếp nhận những luồng văn hóa mới. Điều này đã làm thay đổi tâm thế hành xử truyền thống của người Gia Rai.

1. SƠ LƯỢC VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Người Gia Rai là cư dân sinh sống lâu đời ở Gia Lai. Theo kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, tỉnh Gia Lai có 372.302 người Gia Rai (chiếm 29,2% tổng dân số trong tỉnh) và 713.403 người Kinh (chiếm 56% dân số trong tỉnh). Tỉnh Gia Lai là nơi tập trung đông

người Gia Rai nhất, chiếm đến 90,5% tổng số người Gia Rai ở Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2009, tr. 134, 198).

Theo Chủ tịch xã, xã Dun là một xã còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống của người Gia Rai. Xã Dun giáp với thị trấn Chư Sê ở phía Tây, với xã Chư Pâng ở phía Bắc, với xã Kong H'tok ở phía Đông và với xã Ia Pal ở phía Nam (Nhân viên tư pháp xã Dun). Theo thống kê năm 2013, tại xã Dun có 2.076 người Gia Rai, gần tương đương với người Kinh (2.010 người), trên tổng số 4.324 người trong toàn xã. Xã có bảy thôn làng, trong đó có sáu làng chủ yếu là người Gia Rai sinh sống, gồm: Kueng Mép, Greo Sék, làng Pan, Ia Long, Greo Pét, Ring Răng (cộng cư với người Ba Na)

Vũ Ngọc Xuân Ánh. Thạc sĩ. Thành phố Hồ Chí Minh

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài *Vai trò của một số định chế xã hội phi chính thức đối với sự phát triển bền vững Tây Nguyên* do Trường Đại học Nguyễn Tất Thành chủ trì (mã số đề tài: TN3/X21, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KHCN-TN3/11-15, gọi tắt là "Chương trình Tây nguyên 3").

và một thôn hầu hết là người Kinh sinh sống – thôn Bình Minh.

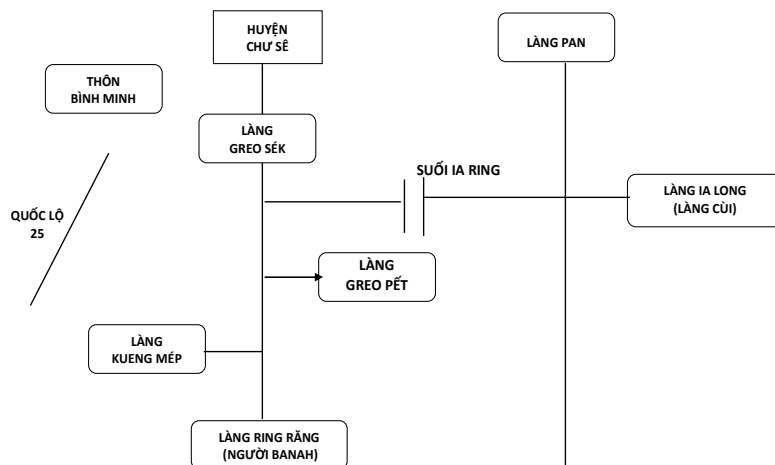
Những người lớn tuổi và có uy tín trong làng⁽¹⁾ cho biết về lịch sử làng Greo Pét như sau: Làng Greo Pét vốn tách ra từ làng Greo Sek, từng nhiều lần thay đổi vị trí vì nhiều lý do, như dân số tăng, có người bị bệnh phong cùi, hay do chiến tranh,... nhưng những vị trí của làng đều nằm dọc theo con suối Pét và suối Ia Ring, trong phạm vi bán kính khoảng vài km. Cư dân làng Greo Pét là cư dân tại chỗ, sống lâu đời ở khu vực này.

Ông Rơ Mah B (sinh năm 1958) giải thích tên làng Greo Pét: Chữ Greo có nghĩa là tên nước giọt, Pét là tên dòng suối. Ban đầu dân làng sống ở giọt nước Greo (lúc này gồm cả dân của làng Greo Pét và Greo Sek). Vì dân số của làng ngày một đông lên, thiếu đất canh tác nên họ di chuyển đến vị trí rộng hơn ở gần con suối Pét, và đổi

tên làng thành Greo Pét. Ông B cho biết thời chiến tranh làng bị bỏ bom hai lần (khoảng năm 1969 và 1972). Dân làng phải tản cư vào sống trong rừng. Sau khi tình hình ổn định, dân làng mới trở về làng và phục hồi lại đời sống. Ban đầu, diện tích của làng chỉ khoảng hai hoặc ba sào⁽²⁾ với 30 nóc nhà, sống tập trung để chống thú dữ, tránh bom đạn. Sau giải phóng, do dân số đông, làng được mở rộng, khai hoang thêm đất trồng trọt để đảm bảo nguồn lương thực. Trước năm 1975, trong xã chỉ có khoảng hơn 1.000 người Gia Rai, chưa có người Kinh. Sau năm 1975, nhiều người Kinh và các tộc người thiểu số phía bắc đã di cư đến xã sinh sống.

Từ xưa đến nay, dân làng vẫn chỉ theo tín ngưỡng đa thần, không theo tôn giáo. Dân làng tự nhận đây là “làng cách mạng”. Theo lời chị Siu H (sinh năm 1984), khoảng năm 1996 -

Sơ đồ các thôn/làng thuộc xã Dun (huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai).



Nguồn: Thông tin do người dẫn đường Rah Lan N. (1987) cung cấp, bản vẽ của tác giả.

1997, đạo Tin lành được truyền tới làng, nhưng già làng và dân làng đã họp nhau lại và quyết định không theo Tin lành. Vào thời điểm chúng tôi thực hiện chuyến điền dã lần thứ hai (tháng 1/2015), trong làng vẫn còn duy trì những định chế phi chính thức⁽³⁾ với sự tồn tại của các già làng, thầy bói, thầy cúng, ông mai,

người hòa giải, trưởng tộc, chủ mường nước... những người có uy tín, góp phần duy trì hoạt động của cộng đồng. Người Gia Rai ở làng Greo Pét gồm có sáu họ: Rah Lan, Rơ Mal, K'sor, Siu, K'pă, K'puil, trong đó họ Siu là họ đông nhất tại làng này.

Ý tưởng cho bài viết này khởi đi từ những tư liệu của cuộc điền dã mang tính khám phá về người Gia Rai ở làng Greo Pét, xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (8/2014 và 1/2015). Những dữ kiện thực tế cho thấy người Gia Rai rất đề cao lòng tự trọng, danh dự của bản thân. Từ thực tế này, chúng tôi đặt ra những câu hỏi nghiên cứu: Phải chăng đây chỉ là biểu hiện rời rạc, ngẫu nhiên nơi một số cá nhân nào đó hay nó là xu hướng hành xử của tộc người Gia Rai? Và nếu đây là biểu hiện của cộng đồng thì đâu là nền tảng hình thành tinh thần này? Bài viết này sẽ phần nào trả lời cho những câu hỏi này.

2. TÍNH CÁCH ĐỀ CAO “DANH DỰ VÀ TRÁCH NHIỆM” CỦA NGƯỜI GIA RAI

Trong một cuộc thảo luận của nhóm nam thanh niên trong làng (tháng 1/2015), nhiều thanh niên cho rằng tính cách coi trọng danh dự đã tồn tại từ lâu nơi mỗi cá nhân người Gia Rai. Họ thường cảm thấy tự ái nếu bị người khác coi thường, bị xúc phạm đến gia đình hoặc bản thân, đặc biệt là bị “chê” nghèo... Hệ quả của việc bị xúc phạm thậm chí có thể dẫn đến những vụ tự tử, đặc biệt là tự tử bằng hình thức thắt cổ. Ral Lan N (sinh

năm 1987) cho biết: “Từ thời ông cha thời xưa rồi, ví dụ như uống rượu ghè với nhau thôi, nói xúc phạm thôi là tự tử, hồi xưa nhiều người tự tử, giờ thì nó ít. (...) Ngày xưa, quan niệm người ta là *cái nhân phẩm, cái danh dự*, (...) chỉ cần nói nhà mày nghèo thôi là nó uống rượu say xong nó ấy (tự tử)... Người dân Gia Rai hồi xưa ghét nhất là nói là nghèo”. Trưởng thôn của làng Greo Pét - Rơ Mah L (sinh năm 1974) cũng chia sẻ về hai trường hợp thắt cổ tự tử trong làng. Một nam thanh niên đi lái xe công nông thuê vô ý đâm vào cổng nhà một người và bị gia đình đó yêu cầu đền bù 15 triệu. Gia đình anh không có đủ tiền đền bù và anh bị bố mẹ cản nhằn. Vì vậy, người này cảm thấy “*xấu hổ*” và thắt cổ tự tử. Trường hợp thứ hai là một người đi uống rượu say về bị vợ con cản nhằn nên tự dần vật và cuối cùng cũng thắt cổ tự tử. Như vậy, cả hai trường hợp tự sát đều khởi đi từ lý do cảm thấy ray rứt, *xấu hổ* trước một tình cảnh nào đó do mình gây ra. Người ngoài có thể cho rằng đây là những cái chết nhạt nhẽo, không biết quý trọng mạng sống. Tuy nhiên, chúng tôi muốn vượt qua định kiến này để tìm hiểu rõ hơn về tính cách đề cao lòng tự trọng và trách nhiệm của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội người Gia Rai.

Hiểu tính cách đề cao lòng tự trọng của cá nhân, thầy xử kiện (Pô granh) trong làng Greo Pét đã điều chỉnh luật tục và quan điểm xử kiện. Theo thầy xử kiện Rơ Mah B. (sinh năm 1958), trước đây, trong làng hoàn toàn xử

theo luật tục. Người xử kiện căn cứ theo lỗi và theo hoàn cảnh của người phạm lỗi để xét xử. Người xử kiện không hề phải chịu trách nhiệm đối với những hệ quả đáng tiếc xảy đến cho người phạm lỗi, nhất là việc họ tự vẫn. Tuy nhiên, hiện nay, bên cạnh luật tục còn có luật pháp, người xử kiện buộc phải cân nhắc đến hệ quả sau những lời xét xử của mình. Nếu ông phạt quá nặng theo luật tục xưa khiến cho người chịu hình phạt đó xấu hổ và tự tử thì ông phải gánh vác trách nhiệm đó. Vì vậy, so với luật tục trước đây, hình phạt ông đưa ra có phần giảm nhẹ hơn nhiều, mang tính cảnh cáo, nhắc nhở nhiều hơn. Theo ông, việc xử kiện hiện nay có “tình cảm” hơn.

Trong đời sống thường nhật của người Gia Rai, từ “xấu hổ” thường được dân làng nhắc tới nhiều lần. Ở làng Greo Pét, vằn đổi công là một hình thức rất phổ biến trong cộng đồng. Đây không chỉ là một hình thức tương trợ trong công việc đồng áng, mà còn là một sự ràng buộc ngầm giữa những người cùng tổ vằn đổi công. Chính vì vậy, mặc dù đã xuất hiện hình thức làm thuê, hoặc mua công⁽⁴⁾ bằng tiền, nhưng hình thức vằn đổi công vẫn không mất đi. Những người trong tổ vằn đổi công rất coi trọng trách nhiệm vằn công, tuyệt đối không bỏ giữa chừng. Tại hộ gia đình của trưởng thôn, nơi chúng tôi được tá túc trong những đợt điền dã, chúng tôi đã chứng kiến sự phân công lao động trong gia đình. Họ luôn cử ra một người để đi vằn đổi công, thường

là người vợ hoặc người con trai cả (khoảng 17 tuổi). Khi đã chấp nhận tham gia vào nhóm đổi công, mọi người đều phải thật sự có trách nhiệm. Nếu ai đó nghỉ thì trong gia đình phải có người đi thay, nếu không, người đó sẽ cảm thấy “áy náy”, hay xấu hổ vì đã để cho những người khác phải gánh vác phần công việc của mình. Trưởng thôn chia sẻ: “Làm đổi công không phải là nghỉ đâu, mình nghỉ một buổi là *tội người ta* lắm. Tội cái nhóm mình làm á. Đã nghỉ là nghỉ hết luôn. Thí dụ [phải] đi họp, mình bỏ tổ là không được. Áy náy chứ. Nếu mình nhận làm là bắt buộc mình phải làm. Không làm đổi công thì người ta nói, giống như là tự ái mai một không làm tổ với anh nữa”. Vì vậy, những dịp nghỉ làm đổi công thường là những dịp cả làng đều không đi làm, như ngày bỏ mả, hoặc ngày cúng của cả làng.

Trồng lúa là hình thức sản xuất nông nghiệp từ lâu đời của người Gia Rai. Trước đây, họ chỉ trồng lúa dài ngày, giống lúa bầu (Te bầu), một năm một vụ. Hiện nay, các hộ gia đình trong làng đã chuyển sang trồng lúa hai vụ/năm. Có gia đình chuyển hoàn toàn sang trồng lúa ngắn ngày, nhưng có hộ vẫn duy trì trồng một vụ ngắn ngày và một vụ dài ngày với giống “lúa dân tộc”. Ông Rơ Mah B cho rằng bắt buộc phải giữ giống lúa của tổ tiên vì nó là “lúa truyền thống”. Nếu không giữ được giống lúa này ông cảm thấy rất “*mắc cỡ*”, trước là với chính bản thân, sau là với những người dân trong cộng đồng và tổ tiên của mình⁽⁵⁾.

Ông giải thích sự “mắc cỡ” này là do quan niệm giống lúa này không dùng để mua bán, nếu đi “xin” người trong làng, ông sẽ bị mang tiếng là có đất mà không thể tự trồng để giữ giống. Như vậy, giống lúa bầu không chỉ đơn thuần là một giống lúa, mà còn là danh dự, lòng tự tôn của một người Gia Rai đối với truyền thống và giá trị văn hóa của dân tộc. Hoạt động trồng lúa không chỉ đơn thuần là hoạt động kiếm sống mà còn có khía cạnh văn hóa của nó.

Nếu việc không giữ được “giống lúa dân tộc” đã bị coi là đáng xấu hổ thì việc bán đất của cha ông để lại cũng được cho là “nhục” không kém (từ dùng của ông Rơ Mah B). Trong thực tế việc người Gia Rai bán đất cho người Kinh không còn là một điều lạ lẫm, trong đó bao gồm cả việc tự nguyện bán đất cũng như bị cưỡng chế dưới các hình thức. Nói về việc người Gia Rai bán đất cho người Kinh, ông Rơ Mah B tự nhận trách nhiệm về phía dân làng: “Có người bán là [do] điều kiện nhà khó khăn, túng quá bán xây nhà,(...) có người bán mua xe máy, có người bán mua công nông, có người bán vì đói (cười). Có nhiều người bán lắm”. Chung qui lại ông nói nguyên nhân chính khiến họ bán đất là “vì thích tiền”. Ông thể hiện rõ nỗi buồn và sự xót xa khi kể về tình trạng này.

Về phong tục, người Gia Rai coi ma lai, thuốc thư là điều xấu nên những ai bị tố cáo là có ma lai sẽ bị cộng đồng xa lánh. Vì vậy, nếu một người bị vu

khống là có ma lai, họ sẽ cố gắng chứng minh mình vô tội để loại bỏ những nghi kị, phục hồi danh dự của bản thân và mối quan hệ cộng đồng. Năm 2014, ông P bị ông X vu oan là có ma lai và có thể “thư” người khác chết. Để chứng minh mình không làm điều “sai trái”, ông P đòi phải tiến hành đập nôi để xác định ai đúng ai sai⁽⁶⁾. Trước sự can thiệp của thôn trưởng và người uy tín trong làng, cuối cùng việc đập nôi không diễn ra. Ông X thừa nhận rằng ông đã vu khống cho ông P trong lúc say rượu. Cùng với lời xin lỗi, ông X còn bị phạt một con heo 70kg để “đền bù danh dự nhân phẩm” cho ông P.

Trọng cuộc sống hằng ngày, những ứng xử người Gia Rai cũng cho thấy họ rất đề cao danh dự và lời hứa. Trong một lần uống rượu say, ông Rah Lan P (sinh năm 1964) đã hứa sẽ gả con gái của mình cho con trai của một người bạn. Khi tỉnh táo, ông thực sự hối hận vì lời hứa đó, vì con gái ông chưa đủ 18 tuổi mà ông hiện đang làm việc tại Ủy ban xã Dun. Nhưng để giữ lời hứa (dù là nói ra lúc say), ông chấp nhận gả con gái, dù phải nhận “kiểm điểm” và chịu sự vắng mặt của những người đồng nghiệp trong lễ cưới.

Một ví dụ nữa cho thấy người Gia Rai rất coi trọng lòng tự trọng và luôn tuân theo những chuẩn mực của cộng đồng: trong đợt điền dã vào tháng 8/2014, chúng tôi được tham dự buổi lễ ăn nhà mã - tức là lễ cúng hàng tháng⁽⁷⁾. Vào ngày đó tất cả dân làng

đều tụ tập, mỗi người đến dự đều mang theo rượu (đối với tất cả mọi người) và đồ ăn (đối với những người cùng dòng họ với người chết). Thấy chị K – vợ của trưởng thôn – không đi dự lễ này, chúng tôi hỏi và nhận được câu trả lời rằng chị cảm thấy ngại, xấu hổ khi đến nhà mồ mà không có rượu để mang theo.

Rõ ràng, từ việc nhỏ đến những việc lớn, hành xử của người Gia Rai bị chi phối bởi thái độ trách nhiệm, lòng tự trọng, danh dự trong mối quan hệ với những tác nhân khác trong cộng đồng. Vậy, tinh thần coi trọng danh dự, trách nhiệm chỉ là đặc điểm của cá nhân hay nó là biểu hiện của cái tôi mang dấu ấn cộng đồng và có liên quan đến những mối quan hệ rộng hơn trong xã hội.

3. TÍNH CỘNG ĐỒNG: NỀN TẢNG HÌNH THÀNH TÂM THỂ HÀNH XỬ ĐỀ CAO LÒNG TỰ TRỌNG

Từ những câu chuyện thực tế nêu trên, chúng tôi cho rằng tâm thể đề cao lòng tự trọng, danh dự của người Gia Rai không phải là tính cách ngẫu nhiên của một vài cá nhân, mà chính trường văn hóa của cộng đồng người Gia Rai đã tạo nên tâm thể hành xử này. Theo Pierre Bourdieu (1930 - 2002), trường (*field*) là không gian xã hội. Trước hết, nó là một không gian của các vị thế vốn đã được cấu trúc hóa, thứ đến nó là một trường lực (*force field*) thường áp đặt những qui định cụ thể lên những người gia nhập vào trường này. Trường sẽ trang bị cho các tác nhân “một loạt tâm thể

(*disposition*), thể hiện một nguồn gốc xã hội (*social origin*) và đường hướng (*trajectory*) đặc thù (Loïc Wacquant, 2006, tr. 7). Ở trường hợp này, chính những sự kì vọng và tương tác trong cộng đồng đã định hình nên không gian xã hội của cộng đồng.

Trước đây, những thanh niên nam nữ được kì vọng phải biết một số kỹ năng thiết thực cho cuộc sống khi họ lập gia đình. Ví dụ nam giới phải biết đan gùi, còn phụ nữ phải biết dệt vải. Những sản phẩm này sẽ được sử dụng trong gia đình của họ. Đây là những tiêu chí chứng tỏ họ là người trưởng thành và đã có đủ khả năng để tự lo cho gia đình (Trưởng thôn, sinh năm 1974). Giá trị lao động thực sự được đề cao trong cộng đồng, được nhìn nhận như một sự kì vọng đối với mỗi cá nhân đã trưởng thành. Ông bà, cha mẹ và những người trưởng tộc thường nhắc nhở người trẻ phải chăm chỉ lao động. Trước đây, khi chưa có việc mua bán bằng vật ngang giá là đồng tiền, và chưa trồng lúa ngắn ngày, dân làng Greo Pét tự trồng trọt để lấy lúa ăn theo kiểu tự cung tự cấp, nên điều này được ngầm hiểu rằng “có làm thì mới có ăn”. Cả hai bà trưởng tộc của dòng họ Siu và Rah Lan ở làng Greo Pét đều cho biết đó là điều quan trọng họ thường dạy con. Bởi nếu không lao động, không có cái ăn thì rất dễ nảy sinh những thói xấu như trộm cắp. Nhưng đã chăm chỉ lao động, song do sự bất trắc của thời tiết mà bị mất mùa thì những người trong gia đình, dòng họ sẽ hỗ trợ qua lại để đảm bảo mọi người đều có lương thực sinh tồn.

Vì vậy mà từ xưa người Gia Rai thường không (hoặc rất ít trường hợp) xảy ra trộm cắp.

Nói về sự khác biệt giữa cuộc sống “trước đây” (nói chung) và hiện nay, cựu già làng Rơ Mah P (sinh năm 1940) cho biết, trước đây, bò thường thả rông, hoặc lúa gặt xong có thể bỏ lại ở đồng ruộng của mình mà không lo bị ăn trộm. Nhưng ngày nay, người dân lúc nào cũng lo sợ tài sản của mình bị lấy cắp. Thầy xử kiện Rơ Mah B cho biết: trước đây trộm cắp là một tội rất đáng xấu hổ trong xã hội của người Gia Rai và người ăn trộm sẽ phải đền bù gấp nhiều lần (tùy theo tình huống cụ thể mà qui định mức phạt) để răn đe và để cá nhân người ăn trộm tự thấy hổ thẹn trước cộng đồng. Quan niệm đề cao lao động và xử phạt nặng hành vi trộm cắp giúp các cá nhân trong cộng đồng có ý thức tự lực và tôn trọng tài sản của người khác.

Người Gia Rai tin rằng nếu vi phạm những điều cấm kỵ thì không chỉ cá nhân mà cả những người thân và dân làng cũng bị thần linh giáng họa. Điều này đã tạo nên một sự tự kiểm soát nơi mỗi cá nhân, họ không muốn và không dám vi phạm những chuẩn mực đã được nội tâm hóa trong không gian sinh hoạt của dòng họ và cộng đồng. Bà Rah Lan K (sinh năm 1950) – thầy chữa bệnh và cũng là thầy cúng của làng Greo Pét cho biết, dòng họ Rah Lan có qui định là không được ăn những con vật như cóc, rắn, trăn, tê tê, kì đà, kì nhông, khỉ... Nếu trong nhà có người ăn hoặc giết hại những con

vật này thì con cái của họ sẽ bị bệnh, vì những con vật đó sẽ quay lại báo ứng. Người trong dòng họ không bao giờ vi phạm điều cấm kỵ này.

Người Gia Rai đặc biệt tôn trọng những lời hứa với các vị thần, để con cái của họ sẽ không gặp tai họa. Chẳng hạn, đời ông bà, cha mẹ hứa sẽ cúng cho thần nếu đạt được ý nguyện nào đó (như được mùa chẳng hạn), nhưng chưa thực hiện lời hứa đó thì con cái phải thay cha mẹ cúng cho vị thần nếu không tất cả sẽ bị thần trừng phạt.

Với cộng đồng làng Greo Pét, mối quan hệ giữa người dân với thần thánh vẫn được đề cao, họ tin các vị thần sẽ phù hộ hoặc sẽ trừng phạt. Chính vì vậy, theo lời Rah Lan K, mọi hoạt động của gia đình đều phải được thần linh chứng giám thông qua các lễ cúng. Chẳng hạn: khi gia đình quyết định nuôi gia súc, gia cầm, mừng lúa mới, gieo hạt, làm nhà... Những chuẩn mực, quy tắc này được thế hệ đi trước truyền lại cho con cháu.

Đặc biệt, trong luật tục của người Gia Rai, tội ngoại tình không chỉ là việc của hai vợ chồng mà còn ảnh hưởng đến mối quan hệ của các dòng họ. Luật tục này khiến các cá nhân phải kiểm soát nhiều hơn nữa các hành vi của mình.

Một trong những điều cấm kỵ lớn mà người Gia Rai xưa tin rằng nếu vi phạm thì cả làng sẽ bị thần linh trừng phạt, đó là tội loạn luân, tức là lấy người cùng dòng họ. Khi đó, thần linh sẽ phạt cả làng, sẽ không có mưa,

hạn hán và chết đói. Vì vậy, nếu ai phạm tội loạn luân thì ngoài việc họ phải cúng cho thần linh một con dê và một con heo, hai người còn phải chịu hình phạt ngủ trong rừng, cách xa làng một đêm, có thể bị cạo ăn thịt hoặc bị sét đánh. Nếu đôi nam nữ vượt qua được những sự rủi ro này, sau một đêm mà họ vẫn bình an trở về thì cuộc hôn nhân này xem như đã được thần linh cho phép (RaLan S. sinh năm 1940).

Việc cấm kỵ được đặt ra khắt khe hơn đối với người được gọi là già làng - người đứng đầu dân làng, đại diện để giao tiếp với thần linh thông qua các buổi cúng cho cộng đồng (Lưu Hùng, 1994, tr. 162-163). Ông Rơ Mah G (sinh năm 1959) cho biết họ phải kiêng ăn những con vật như ếch, nhái, chó, chuột, và lòng heo (nhưng vẫn được ăn lòng bò), rắn... vì những con vật này là những loài đi rong và có thể ăn những thứ ô uế. Những vị đại diện dân làng cúng thần nếu ăn những con vật này cũng sẽ bị ô uế theo, khi đó thần linh sẽ không nhận lời cúng. Người già làng đại diện cúng tế được dân làng bầu chọn vì có những phẩm chất tốt đẹp (có uy tín, có đạo đức, gần bó và yêu thương dân làng, thực hiện nghiêm việc kiêng kỵ), vì vậy họ phải luôn giữ gìn sự trong sạch của bản thân vì quyền lợi của cả làng. Người này được dân làng tin cậy, kính trọng, hỏi ý kiến trong mọi việc và có tư cách răn dạy những người làm điều sai trái trong làng...

Một số câu chuyện cụ thể vừa nêu cho thấy tính cộng đồng mạnh mẽ nơi

người Gia Rai. Có thể nói tính cách trọng danh dự, đề cao lòng tự trọng nơi từng cá nhân đã được nảy nở, phát triển và nuôi dưỡng từ tính cộng đồng mạnh mẽ của làng. Các cá nhân sẽ lĩnh hội các giá trị, chuẩn mực và cả quy tắc của nền văn hóa nhờ quá trình nội tâm hóa [*internalization*] (Peter Berger, Thomas Luckmann, 1966, tr. 149). Như vậy, tính cách trọng danh dự, đề cao lòng tự trọng không phải đơn thuần là biểu hiện của cái tôi (self) hay căn cước tính (identity) biệt lập nơi mỗi cá nhân, mà đây là cái tôi được xây dựng trên cơ sở là thành viên của cộng đồng dòng họ và làng của người Gia Rai. Chính vì vậy, khi cá nhân làm sai luật tục là cá nhân đó đã xúc phạm đến định chế của buôn làng và dòng họ. Những giá trị, chuẩn mực của cộng đồng người Gia Rai được gia cố trong một thế giới biểu tượng, nhất là nhờ ý niệm về cái thiêng. Nói một cách giản lược thì không gian văn hóa - xã hội của làng Greo Pét được định hình bởi ba tác nhân con người, nhóm (gia đình, dòng họ, cộng đồng làng) và thế giới thần linh⁽⁸⁾. Ba yếu tố này gắn kết và tương tác với nhau để định hình nên đời sống sinh hoạt văn hóa của làng Greo Pét.

4. GIẢI THIÊNG VÀ SỰ SUY YẾU LÒNG TỰ TRỌNG

Tính cách trọng danh dự, trách nhiệm có thể được nhìn như đặc điểm nổi bật trong xã hội truyền thống⁽⁹⁾ của người Gia Rai, song tính cách này đang dần biến đổi trên các phương diện và ở các cấp độ khác nhau.

Người Gia Rai đang phải trải qua đồng thời nhiều quá trình, như: tiền tệ hóa, cơ khí hóa, thị trường hóa và những ảnh hưởng của các dân tộc khác, đặc biệt là người Kinh. Tất cả những quá trình này đi cùng với sự xuất hiện của các định chế chính thức⁽¹⁰⁾ đang góp phần dẫn đến sự giải thiêng trong thế giới văn hóa của người Gia Rai.

Sau năm 1975, người Gia Rai phải chấp nhận sự thay đổi của hệ thống chính trị. Hoạt động của các hội đoàn như Ban Mặt trận, hội Nông dân, hội Phụ nữ, đoàn Thanh niên và đặc biệt là vai trò của trưởng thôn... đã làm suy giảm dần vai trò của vị già làng. Lúc này, việc xét xử trong làng phải dung hòa giữa luật tục và luật pháp, vì vậy luật tục cũng giảm vai trò điều chỉnh hành xử trong cộng đồng. Trong lĩnh vực y tế, trước đây, thầy chữa bệnh và thầy cúng đảm nhận hoàn toàn vai trò chữa bệnh cho dân làng, nhưng ngày nay, người dân đã có các cơ sở y tế để khám, chữa bệnh. Cuối cùng, tác động mạnh nhất và làm đẩy nhanh quá trình giải thiêng của cộng đồng chính là lĩnh vực kinh tế. Nếu trong lĩnh vực chính trị và y tế, các định chế chính thức và phi chính thức có thể tồn tại song song, hỗ trợ cho nhau, thì lĩnh vực kinh tế đã làm nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn *giữa các thế hệ*; và *mâu thuẫn trong chính bản thân của mỗi người Gia Rai*.

Trong sự tiếp xúc với những định chế mới, sự xuất hiện của đồng tiền tạo nên những thay đổi mạnh mẽ nhất đối

với cộng đồng Gia Rai. Karl Marx gọi tiền tệ là “tồn tại vật chất của của cải trừu tượng” (dẫn lại theo Trần Hữu Quang, 2007). Georg Simmel cho rằng hiểu được giá trị xã hội của đồng tiền sẽ giúp hiểu được suy nghĩ của các cá nhân, ý nghĩa của các hoạt động tương tác và thấy được những nguyên tắc thống trị chi phối đời sống của một cộng đồng. Đồng tiền thúc đẩy sự tính toán trong quá trình trao đổi và quá trình lý tính hóa (rationalization) của con người. Khi các cá nhân càng tiến gần đến việc sử dụng tiền tệ như sợi dây liên kết chủ yếu giữa họ với nhau thì mối quan hệ ràng buộc dựa trên yếu tố tình cảm, cảm xúc càng mờ nhạt đi. Từ đó, đồng tiền sẽ ngày càng thâm nhập mạnh vào các lĩnh vực của đời sống và làm đảo lộn các giá trị trong xã hội truyền thống (Dẫn lại theo Trần Hữu Quang, 2007).

Cộng đồng làng Greo Pét đã và đang chịu sự thâm nhập mạnh mẽ của yếu tố thị trường. Nền kinh tế trao đổi bằng hiện vật cổ truyền đã dần bị thay thế bởi nền kinh tế thị trường - tiền tệ. Sự thâm nhập này dần phá vỡ trật tự cổ truyền. Dù dân làng Greo Pét vẫn còn duy trì được một số phong tục truyền thống, như: trồng “giống lúa dân tộc,” vắn đỏi công, phong tục thờ cúng và một số kiêng kỵ..., song, các phong tục này ngày càng yếu ớt, nhất là khi quá trình xã hội hóa những giá trị và chuẩn mực của cộng đồng ngày càng trở nên kém hiệu quả đối với thế hệ thanh thiếu niên. Bởi họ không chỉ chịu sự xã hội hóa trong gia đình và

dòng họ, mà còn tiếp nhận nhiều luồng thông tin từ những nơi khác, nhất là từ người Kinh (bà Rah Lan T – trưởng tộc Rah Lan và bà Siu C – trưởng tộc Siu).

Người dân ngày càng phụ thuộc nhiều vào đồng tiền bởi họ đều phải sử dụng đồng tiền trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Quá trình tiền tệ hóa và thương mại hóa diễn ra khiến cho người Gia Rai nảy sinh ý thức tính toán làm ăn để tối đa hóa hiệu quả kinh tế. Ý thức “hạch toán” nảy sinh từ kinh tế đã làm biến đổi kiểu cư trú của người Gia Rai. Theo ông Rơ Mah G (sinh năm 1959), trước đây người Gia Rai sống chung nhiều thế hệ trong nhà dài, cùng làm cùng ăn. Nhưng kể từ khi xuất hiện ý thức tính toán làm ăn đã nảy sinh ý muốn sở hữu riêng, sự ganh tị và so sánh thiệt hơn giữa các gia đình nhỏ trong một đại gia đình. Cuối cùng, hình thức cư trú theo nhà dài bị thay thế bởi hình thức cư trú theo gia đình nhỏ (hạt nhân). Điều này rõ nét hơn ở những gia đình có hôn nhân giữa người Kinh và người Gia Rai (chẳng hạn, gia đình của ông Rơ Mah G).

Ý thức đề cao đồng tiền cũng làm suy giảm tính cách trọng danh dự và trách nhiệm nơi cộng đồng. Ngày nay, biểu hiện của lòng tự trọng đã khác trước rất nhiều. Theo Rah Lan N (sinh năm 1987), nếu như trước đây người Gia Rai rất khó chịu nếu bị chê là nghèo, thì bây giờ, với chủ trương của nhà nước hỗ trợ cho hộ nghèo, nhà nào cũng “đòi” là hộ nghèo. Chủ tịch Hội

Nông dân của xã Dun (sinh năm 1960) còn cho biết một số người Gia Rai còn làm ăn theo kiểu lừa lọc để thu được lợi nhuận cao. Thế hệ trẻ như không dung hòa được giữa những yếu tố văn hóa truyền thống và những yếu tố văn hóa mới. Rah Lan N (sinh năm 1987) cho rằng: “Hồi trước cái thời mà bố mẹ là nó trọng danh dự nhiều, trai trẻ bây giờ ít có trường hợp đó, hiếm. Giờ là cái văn hóa nó *bị xáo trộn*, giờ nó bớt [cái] gọi là *cái tôi* của con người”. Còn những người già thường hoài niệm về đời sống trước đây của làng (Rơ Mah P, sinh năm 1940; Rah Lan P, sinh năm 1964). Có thể nói, người Gia Rai đã và đang trải qua một tình trạng tiếp nhận văn hóa mới, đồng thời là sự biến đổi của văn hóa truyền thống.

5. KẾT LUẬN

Tính cách trọng danh dự, đề cao lòng tự trọng và trách nhiệm⁽¹¹⁾ biểu hiện rõ nét nơi những người Gia Rai. Tính cách này chính là biểu hiện của cái tôi cộng đồng – cái tôi được hình thành với tư cách là thành viên của buôn làng – khi cá nhân tiếp nhận quá trình xã hội hóa ở các cấp độ gia đình, dòng họ và cộng đồng trong không gian văn hóa-xã hội của làng. Quá trình định hình những phẩm chất này diễn ra thông qua quá trình vận hành của những định chế phi chính thức như luật tục, tín ngưỡng đa thần và những điều cấm kị... Đây là một sự kết tinh văn hóa lâu dài qua nhiều thế hệ, từ đó tạo điều kiện để cá nhân tự ý thức và tự điều chỉnh hành vi của

mình phù hợp với những chuẩn mực của làng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội thay đổi, vai trò của các định chế xã hội cổ truyền ngày càng mờ nhạt, cộng đồng phải đối mặt với quá trình giải thiêng cái truyền thống khi tiếp nhận những

luồng văn hóa mới. Những biến động này của trường văn hóa rõ ràng đang làm suy giảm những phẩm chất đáng quý của người Gia Rai, nhưng họ dường như vẫn gặp khó khăn trong việc tìm ra con đường hài hòa để dung nạp văn hóa mới hiện nay. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu ông Q – Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Dun, ông Rơ Mah A. (sinh năm 1965) – phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Dun, ông Rơ Mah B. (sinh năm 1958) – thầy xử kiện, ông Rơ Mah P. (sinh năm 1940) – cựu già làng và ông Rahlan B. (sinh năm 1935) - chủ nương nước.

⁽²⁾ Một sào = 497m².

⁽³⁾ Ở đây, định chế xã hội phi chính thức được hiểu là những định chế không được nhà nước công nhận một cách chính thức, và hoạt động bên ngoài các quy định của luật pháp nhà nước. Tuy nhiên, nói điều này không có nghĩa là những định chế này là bất hợp pháp.

⁽⁴⁾ Hình thức làm thuê chủ yếu diễn ra giữa người Kinh và người Gia Rai. Người Kinh thuê lao động Gia Rai làm theo công nhật với tiền công là 150 - 200 ngàn một ngày. Còn hình thức mua công diễn ra giữa người Gia Rai với nhau. Đối với những người Gia Rai có diện tích đất lớn, sau khi họ vẫn công với những gia đình khác mà vẫn chưa hoàn thành công việc của gia đình mình, họ sẽ “mua công” với giá một công là 50-60 ngàn đồng (chỉ làm một buổi sáng).

⁽⁵⁾ Gia đình ông có năm sào đất ruộng và hai sào đất rẫy trồng mì. Trong năm sào đất ruộng, bốn sào ông dành để trồng lúa ngắn ngày và một sào trồng “lúa dân tộc”. Cuộc phỏng vấn sâu, ngày 6/8/2014.

⁽⁶⁾ Đập nổi là biện pháp nặng nề trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa hai người. Vì trước khi tiến hành hình thức này phải xin thần linh chứng giám bằng việc cúng gà và heo. Chiếu nổi đại diện cho ai bị bề thì người đó nói sai.

⁽⁷⁾ Tại làng Greo Pét, việc cúng cho người chết rất phức tạp. Có ba lễ cần phân biệt là: Lễ ăn nhà mả (Dor Sat): cúng hàng tháng cho người chết; Lễ nhà mả (Dec Que ador Sat): cúng hàng năm; Lễ bỏ mả (Pơ Thi ador Sat): ít nhất là ba năm mới thực hiện lễ này, và đối với gia đình có điều kiện có thể để đến hơn 10 năm.

⁽⁸⁾ Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi không thể trình bày tính thiêng (sacred) còn tồn tại rất rõ nét trong đời sống của dân làng Greo Pét. Song trong quá trình điền dã, chúng tôi nhận thấy hoạt động cúng diễn ra ở mọi cấp độ như: cá nhân (cầu sức khỏe, để chữa bệnh, để việc học hành tốt đẹp...), gia đình (cúng yàng nhà để cầu sức khỏe, sự thuận hòa và làm ăn thuận lợi; lễ cúng giếng nước...), cộng đồng (cầu mưa, cầu mùa màng tốt tươi, tạ ơn thần linh...). Đặc biệt, mối tương tác giữa con người và thần linh còn được biểu hiện nơi những sự kiêng kị. Trong cuộc thảo luận nhóm, những nam thanh niên của làng Greo Pét cho biết ý của thần linh thường được tỏ hiện trong các giấc mơ, hay những dấu hiệu bất thường

trong tự nhiên như sét đánh, hạn hán...

⁽⁹⁾ Khi sử dụng cụm từ “xã hội truyền thống” chúng tôi không có ý muốn hiểu nó đối lập với cái gọi là “xã hội hiện đại”. Chúng tôi tự nhắc mình cần nhìn sự thay đổi của cộng đồng người Gia Rai, cũng như mọi cộng đồng khác, như một quá trình, thay vì cố định nó vào hai cực của sự phát triển – truyền thống và hiện đại.

⁽¹⁰⁾ Đây chỉ là định chế chính thức nếu nhìn từ góc độ của người Kinh.

⁽¹¹⁾ Ở đây, chúng tôi muốn lưu ý rằng bài viết này chỉ bàn đến biểu hiện coi trọng danh dự, đề cao lòng tự trọng nơi người Gia Rai, nhất là những người lớn tuổi, như một dạng tâm thế hành xử, chứ không kết luận rằng mọi cá nhân trong xã hội Gia Rai đều có tính cách này. Cũng vậy, khi nói rằng trong bối cảnh xã hội hiện nay, biểu hiện của xu hướng này ngày càng giảm nơi thế hệ trẻ thì cũng không có nghĩa là mọi thanh niên đều không còn chịu ảnh hưởng của tâm thế cộng đồng này.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Berger, Peter L., Luckmann, Thomas. 1966. *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhân thức*. Nhóm dịch giả. Trần Hữu Quang (chủ biên, dịch thuật, giới thiệu và chú giải). 2015. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
2. Lưu Hùng. 1994. *Buôn làng cổ truyền xứ thượng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc
3. Tổng cục Thống kê. 2009. *Kho dữ liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*.
4. Trần Hữu Quang. 2007. “Đồng tiền và xã hội Việt Nam ngày nay”. Tạp chí *Thời đại mới*, số 10. Nguồn: http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai10/200710_THQuang.htm, truy cập ngày 21/4/2015.
5. Wacquant, Loïc. 2006. *Pierre Bourdieu*. Stones, Rob (chủ biên). *Key Contemporary Thinkers*. London. New York: Macmillan.